Soạn Tiếng Anh 6 Unit 9: Language focus trang 92, 93 (Cánh diều)

A. Listen and read. Then repeat the conversation and replace the words in blue

(Nghe và đọc. Sau đọc lại đoạn hội thoại và thay thế các từ màu xanh)

Hướng dẫn dịch

1. ug

Nadine: Hey Maya, cậu đang ở đâu đấy?

Maya: Xin chào Nadine! Tớ đang ngồi ở quán cà phê này.

2.

Nadine: Bạn có muốn đi xem phim không?

Maya: Ok, cậu đang ở đâu ấy?

3.

Nadine: Ừ, tớ cũng đang ở quán cà phê này.

Maya: Cậu á? Ở quán nào đấy.

4.

Nadine: Tớ ở ngay sau cậu này.

B. Practice with a partner. Replace any words to make your own conversation

(Luyện tập với bạn cùng nhóm. Thay thế bất kì từ nào để tạo ra đoạn hội thoại của riêng bạn)

Hướng dẫn làm bài

A: Hey, where are you?

B: Hi, I am having lunch in the food stall.

A: Do you want to go to the mall?

B: Ok! Where are you now?

A: Well, I'm in a food stall too.

B: You are? Which one?

A: I am standing next to you.

Hướng dẫn dịch

A: Hey, cậu đang ở đâu đấy

B: Xin chào, tớ đang ăn trưa tại quán ăn.

A: Cậu có muốn đến trung tâm thương mại không?

B: Ok! Cậu đang ở đâu vậy?

A: Mình cũng đang ở quán ăn này

B: Cậu á? Quán nào vậy?

A: Tớ đang đừng ngay bên cạnh cậu này.

C. Complete the questions. Then match the questions to the correct answers.

(Hoàn thành câu hỏi sau. Sau đó nối câu hỏi với câu trả lời)

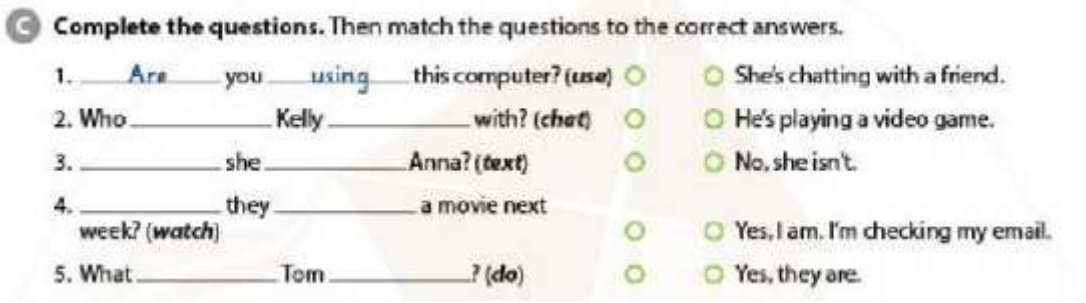

C **Complete the questions.** Then match the questions to the correct answers.

1. Are you using this computer? (*use*)
2. Who Kelly with? (*chat*)
3. she Anna? (*text*)
4. they a movie next week? (*watch*)
5. What Tom ? (*do*)

- She's chatting with a friend.
- He's playing a video game.
- No, she isn't.
- Yes, I am. I'm checking my email.
- Yes, they are.

Hướng dẫn làm bài

1. Are/ using - d

2. is/chatting - a

3. Is/ texting - c

4.Are/ watching - e

5. Is/ doing – b

Hướng dẫn dịch

1. Cậu có đang dùng máy tính này không? Có, tớ đang kiểm tra email.

2. Kelly đang nói chuyện với ai vậy? Cô ấy đang nói chuyện với một người bạn.

3. Cô ấy đang nhắn tin đúng không? Không, cô ấy không

4. Họ sẽ xem bộ phim vào tuần sau chứ. Cóm họ có.

5. Tom đang làm gì đấy? Anh ấy đang chơi trò chơi.

D. Complete the conversation. Use the correct form of the words from the box. Listen and check your answers

(Hoàn thành đoạn hội thoại sau. Sử dụng dạng đúng của động từ trong bảng. Nghe và kiểm tra lại đáo án)

chat	do	play	listen	study

Sarah: Hey, Anna, what (1) _____ you _____? (2) _____ you _____ for the test?

Anna: No, I'm not! (3) I'_____ _____ a game on my computer. What about you?

Sarah: (4) I'_____ just _____ with friends and listening to some music.

Anna: Really? What (5) _____ you _____ to?

Sarah: Beyoncé. She's my favorite singer!

Hướng dẫn làm bài

1. are..doing

2. Are…studying..?

3.'m playing

4.'m just chatting

5. ..are…listening..?

Hướng dẫn dịch

Sarah: Hey, Anna, cậu đang làm cái gì đấy. Cậu đang học để ôn tập cho bài kiểm tra à?

Anna: Không, tớ không. Tớ đang chơi trò chơi trên máy tính. Còn cậu thì sao?

Sarah: Tớ chỉ đang nói chuyện với bạn và nghe nhạc thôi

Anna: Thật á? Cậu đang nghe cái gì đấy?

Sarah: Beyonce. Cô ấy là ca sĩ ưa thích của tớ.